TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 164/2022/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 16 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 145/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị TH, sinh năm 1989;

Nơi thường trú: tổ X, phường TL, TPTN, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: tổ 03, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Anh Bùi Đình T, sinh năm 1988;

Nơi thường trú: tổ X, phường TL, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị TH và anh Bùi Đình T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị TH và anh Bùi Đình T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2) Về con chung: Giao con chung là Bùi AT, sinh ngày 24/01/2018 cho anh Bùi Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị TH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Bùi AT, sinh ngày 24/01/2018 với mức 750.000 đồng/tháng (Bẩy trăm năm mươi nghìn đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng nuôi con vào tháng 7 năm 2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng chị Trần Thị TH thực hiện cấp dưỡng qua tài khoản số 970422929341xxx chủ tài khoản Bùi Đình T tại Ngân hàng TMCP Quân đội.

Chị H có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3) Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4) Về lãi suất chậm thi hành án: Các đương sự thống nhất thỏa thuận trong trường hợp chị Hà thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Tú có quyền yêu cầu tính lãi suất tại giai đoạn thi hành án. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5) Về án phí: Chị Trần Thị TH tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001047 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

6) Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

THẨM PHÁN

**** Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự TP. Thái Nguyên;
- UBND P. Tân Long, TPTN;
- Lưu: VP, HS.

Chu Thị Bích Hiền